

BẢNG ĐĂNG KÝ GIAO ƯỚC THI ĐUA NĂM 2020

S T T	TÊN CÁC CHỈ TIÊU	Điểm Chuẩn	ĐVT	CHỈ TIÊU HUYỆN GIAO	KẾ HOẠCH XÃ	THỰC HIỆN	ĐẠT TL (%)	Chấm điểm
1	Tài chính							
	1.1 Thu ngân sách trên địa bàn	50	Tr. đồng	591	591			
	1.2 Thu hồi các khoản nợ và nợ cụm tuyến dân cư giai đoạn 1, 2	50	Tr. đồng	3,484	3,484			
2	Tiêu chí nông thôn mới phần đầu đạt	10	Tiêu chí	19	19			
3	Phát triển lĩnh vực nông nghiệp	40						
	3.1 1 phải 5 giảm	5	Ha	5,301	5,400			
	3.2 Công tác sản xuất lúa giống	5	Ha	712.8	750			
	3.3 Cánh đồng lớn (diện tích lúa tiêu thụ với công ty, riêng xã Bình Thạnh diện tích màu tiêu thụ với công ty)	20	Ha	548	550			
	3.4 Tái cơ cấu (Áp dụng theo quyết định 1175/QĐ-UBND ngày 13/6/2018)	10	Ha	20.89	21			
4	Huy động học sinh đến trường	50						
	4.1 Huy động học sinh mẫu giáo đến trường	10	%	98	98			
	4.2 Huy động học sinh tiểu học đến trường	10	%	100	100			
	4.3 Huy động học sinh THCS đến trường	10	%	97	97			
	4.4 Học sinh THCS bỏ học	20		0	0			
5	Phong trào "TĐĐKXDĐSVH"	34	%					
	5.1 Báo cáo định kỳ	6	Tháng	12	12			
	5.2 Cùng cố nâng chất các danh hiệu văn hóa	10	%	100	100			
	5.3 Cùng cố kiện toàn các BCD, BVĐ, BXD	10	%	100	100			
	5.4 Triển khai thực hiện QĐ 42 UBND tỉnh; TT 04 Bộ Văn hóa	8	%	100	100			
6	Giữ vững các danh hiệu văn hóa	10	%	100	100			
7	Dạy nghề cho người lao động	10	Người	90	90			
8	Giảm số hộ nghèo	10	Hộ	20	24			
9	Xuất khẩu lao động	10	Người	7	7			

10	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	10	%	95	95			
11	Vận động giải tỏa nhà ở, nhà tạm, công trình, hàng quán, lều trại trên sông, kênh, rạch (01 TH giải tỏa 02 điểm)	20	Căn	421				
12	Tỷ lệ xử lý rác thải	20	%	70	70			
13	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định	34						
	13.1 Báo cáo phát triển Kinh tế - Xã hội (tháng)	12	Tháng	12	12			
	13.2 Báo cáo Kiểm soát TTHC (quý)	4	Quý	4	4			
	13.3 Báo cáo NTM (tháng)	6	Tháng	12	12			
	13.4 Báo cáo công tác tiếp dân, xử lý đơn thư KNTC (tháng)	6	Tháng	12	12			
	13.5 Báo cáo công tác PCTN (tháng)	6	Tháng	12	12			
14	Chấp hành tham gia hội họp	10	Có					
15	Đảm bảo an ninh trật tự	20						
	15.1 Không có băng, nhóm về TPHS, không xảy ra án rất nghiêm trọng, ĐB nghiêm trọng trên địa bàn	10	Vụ	0	0			
	15.2 Không phát sinh tai nạn giao thông trên địa bàn (không tính các vụ tai nạn giao thông, người gây tai nạn là ngoài địa bàn) và không có CD gây TNGT cho cộng đồng	10	Không	0	0			
16	Công tác Quân sự, Quốc phòng	20						
	16.1 Công tác tuyển quân	10	%	100	100			
	16.2 Phong trào TĐ Quyết thắng	10	%	100	100			
17	Tổ chức hòa giải thành ở cơ sở	10	%	90	90			
18	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	10	%	100	100			
19	Đạt Chuẩn tiếp cận pháp luật	10	%	90	90			
20	Phát triển BHYT	10	%	93	95			
21	Ứng dụng công nghệ thông tin	48						
	21.1 Thực hiện chữ ký số	12	%	100	100			
	21.2 Thực hiện văn phòng điện tử (Công văn đi)	12	%	100	100			
	21.3 Thực hiện văn phòng điện tử (Công văn đến)	12	%	100	100			
	21.4 Một cửa điện tử	12	%	100	100			
22	Thực hiện Cải cách hành chính	100						

22.1 Thực hiện Đề án Văn hoá công vụ	20	Có	100	100			
22.2 Cán bộ, công chức một cửa đúng quy định	10	Có	Có	Có			
22.3 Chấp hành báo cáo CCHC theo định kỳ (quý)	8	%	100	100			
22.4 Chấp hành báo cáo công bố kết quả giải quyết TTHC theo KH số 329/KH-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh	12	%	100	100			
22.5 Công khai niêm yết đầy đủ TTHC theo qui định	20	%	100	100			
22.6 Trả kết quả giải quyết TTHC	10	%	100	100			
22.7 Thái độ giao tiếp, phục vụ của Cán bộ công chức (<i>chấm qua phần mềm, công tác kiểm tra và phản ánh của người dân</i>)	10	Tốt	Tốt	Tốt			
22.8 Thực hiện mô hình cách làm hay, sáng kiến mới trong CCHC (<i>mỗi sáng kiến được công nhận là 10 điểm</i>)	10	Có	Có	Có			
TỔNG CỘNG	596						

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẢN ĐĂNG
CHỦ TỊCH**

Lê Hồ Ngọc Trung

* Hướng dẫn chấm điểm tiêu chí thi đua năm 2020

- Trong năm nếu UBND huyện có văn bản nhắc nhở (sau khi các nộ
lần 02 trừ 20 điểm, lần 03 trừ 30 điểm trong tổng số điểm đạt được

- Điểm tính cho tiêu chí không hoàn thành được tính theo tỷ lệ % hoàn thành

- Điểm cộng cho mỗi tiêu chí vượt được tính theo tỷ lệ % hoàn thành, tối đa không quá 200% điểm chuẩn

- Lưu ý:

- Thời gian thực hiện GUTĐ được tính từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

- Ngành Công an số liệu tính từ 16/11/2019 đến 15/11/2020, phát sinh 01 vụ trừ toàn bộ số điểm

- Thời gian họp xét thi đua trong tháng 11/2020

100

10

40

50

34

10

10

10

10

10

20

20

34

10

20

20

10

10

10

10

48

100

596